
Bản án số: 30/2018/ DSST
Ngày 27/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký

Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/ TLST- DS ngày 11 tháng 06 năm 2018 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/ QĐXXST- DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: số 193, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Nguyên vào ngày 13/03/2014 tôi có cho chị Lê Thị Kim V vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), đến ngày 30/06/2014 chị V vay thêm của tôi số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), đến ngày 18/7/2014, chị V vay

thêm của tôi số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tổng cộng chị V vay của tôi 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) lúc vay tiền của tôi chị V nói với tôi để buôn bán làm ăn, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận, thời hạn vay là đến ngày 30 tháng 09 năm 2014 chị V phải trả nợ gốc và lãi cho tôi, chị V đóng lãi cho tôi nhiều lần tổng số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và từ đó đến nay chị V không đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi. Tôi có đến nhà chị V đòi nợ nhiều lần nhưng chị V không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu chị Lê Thị Kim V trả nợ cho tôi số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Kim V trình bày: Theo bản tự khai ngày 02/8/2018, tôi thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Thị C số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 13/03/2014, do làm ăn thất bại nên hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên tôi chưa trả nợ được, trong thời gian vay nợ, tôi có đóng lãi cho bà Nguyễn Thị C nhiều lần với số tiền là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng). Lúc đóng lãi thì giữ hai bên không có làm biên nhận đóng lãi.

Nay tôi xin trả nợ cho bà Nguyễn Thị C số tiền gốc là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tôi xin trả dần như sau: 01 năm tôi trả cho bà Nguyễn Thị C 4.000.000đ (bốn triệu đồng), chia làm hai lần, hàng năm lần thứ nhất vào ngày 20 tháng 06 tôi trả nợ cho bà C số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và lần thứ hai vào ngày 20 tháng 12 tôi trả nợ cho bà C số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết số tiền nợ gốc là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) còn lại số tiền nợ gốc 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tôi xin miễn trả nợ cho bà C vì hiện tại gia đình tôi gặp rất nhiều khó khăn. Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/8/2018 tôi trả cho bà C là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Bà Lê Thị Kim V với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà V vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lê Thị Kim V, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Kim V là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Nguyễn Thị C và bà Lê Thị Kim V là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim V trả nợ cho bà số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào ngày 13/03/2014 bà V có vay bà C số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), đến ngày 30/06/2014 bà V vay thêm của bà C số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), đến ngày 18/7/2014, bà V tiếp tục vay thêm của bà C số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tổng cộng bà V vay của bà C là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận 10.000.000đ (mười triệu đồng) ngày 13/03/2014, biên nhận 5.000.000đ (năm triệu đồng) ngày 30/06/2014, biên nhận 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) ngày 18/7/2014, lãi suất vay thỏa thuận giữa hai bên là 3%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/9/2014, từ lúc vay tiền cho đến hiện nay thì

bà V có đóng lãi nhiều lần cho bà C tổng cộng số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) nhưng từ đó cho đến nay thì bà V không có đóng lãi và trả nợ gốc cho bà C.

Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả cho bà số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của bà C phù hợp với Điều 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự.

Như vậy số tiền lãi trong hạn trong vụ kiện này tính từ ngày 14/03/2014 đến ngày 30/09/2014 của phần tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) là 196 ngày cụ thể như sau: $10.000.000đ \times 0,75\% \times 196 \text{ ngày} = 490.000đ$ (bốn trăm chín mươi nghìn đồng); số tiền lãi trong hạn của phần tiền vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) tính từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014 là 89 ngày cụ thể như sau: $5.000.000đ \times 0,75\% \times 89 \text{ ngày} = 111.250đ$ tính tròn là 111.000đ (một trăm mười một nghìn đồng); số tiền lãi trong hạn của phần tiền vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tính từ ngày 19/07/2014 đến ngày 30/09/2014 là 71 ngày cụ thể như sau: $20.000.000đ \times 0,75\% \times 71 \text{ ngày} = 355.000đ$ (ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và số tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 01/10/2014 đến ngày xét xử là ngày 27/8/2018 là 1.421 ngày cụ thể như sau: $35.000.000đ \times 1,125\% \times 1.421 \text{ ngày} = 18.650.625đ$ tính tròn là 18.651.000đ (mười tám triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 54.607.000đ (năm mươi bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng) trừ đi số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) mà bà V đã đóng lãi cho bà C. Do đó bà V còn nợ bà C tổng cộng tiền gốc và lãi là 47.607.000đ (bốn mươi bảy triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị Kim V, bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 4%/tháng và bà đã đóng lãi nhiều lần cho bà C tổng cộng số tiền là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng) nhưng giữa hai bên không có làm biên nhận đóng lãi, bà V yêu cầu xin trả nợ cho bà Nguyễn Thị C số tiền gốc là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Bà V xin trả dần như sau: 01 năm bà trả cho bà Nguyễn Thị C 4.000.000đ (bốn triệu đồng), chia làm hai lần, hàng năm lần thứ nhất vào ngày 20 tháng 06 bà trả nợ cho bà C số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và lần thứ hai vào ngày 20 tháng 12 bà trả nợ cho bà C số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết số tiền nợ gốc là 17.500.000đ (mười bảy

triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền nợ gốc 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà xin miễn trả nợ cho bà C vì hiện tại gia đình bà gặp rất nhiều khó khăn. Lời yêu cầu của bà V thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà V không có chứng cứ gì chứng minh là bà đã đóng lãi cho bà C số tiền là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng), ngoài ra tại phiên tòa bà C cũng không đồng ý yêu cầu của bà V là xin trả nợ dần 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền nợ gốc 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà V xin miễn trả nợ. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét. Mặt khác trong vụ án này bà V là người vay tiền của bà C số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), khi đến hạn thì bà V là bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là bà C. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy bác lời khai nại của bà Lê Thị Kim V.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà C số tiền là 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005078 ngày 11/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Lê Thị Kim V phải nộp: $47.607.000đ \times 5\% = 2.380.350đ$ tính tròn là 2.380.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng điều 471, Điều 476 Bộ Luật Dân Sự năm 2005, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn bà Lê Thị Kim V.

4/ Buộc bà Lê Thị Kim V trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền gốc và lãi là 47.607.000đ (bốn mươi bảy triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Lê Thị Kim V không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Lê Thị Kim V nộp 2.380.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005078 ngày 11/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Lê Thị Kim V biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Đình Đoài